

GIÁO DỤC VỀ QUAN HỆ CHÍNH TRỊ VÀ HỢP TÁC QUỐC PHÒNG AN NINH VIỆT NAM - NHẬT BẢN TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC HUẾ

EDUCATION ON POLITICAL RELATIONS AND COOPERATION OF DEFENSE SECURITY VIETNAM - JAPAN IN THE CONTEXT OF GLOBALIZATION FOR HUE UNIVERSITY STUDENTS

Tô Thùy Linh

ThS. Trung tâm Giáo dục Quốc phòng An ninh - Đại học Huế

Received: 6/9/2025; Accepted: 14/9/2025; Published: 5/10/2025

Tóm tắt: Giáo dục về quan hệ chính trị hợp tác quốc phòng an ninh Việt Nam - Nhật Bản cho sinh viên (SV) là một trong những nội dung quan trọng trong chuỗi hoạt động thiết lập mối quan hệ hợp tác Việt Nhật trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên đây là một hoạt động còn mới mẻ chưa được quan tâm phổ biến. Trước bối cảnh thế giới và trong nước có nhiều thay đổi, biến chuyển phức tạp, vấn đề giáo dục về quan hệ chính trị hợp tác quốc phòng an ninh Việt Nam - Nhật Bản cho SV trong tình hình mới cần được quan tâm hơn nữa. Vì vậy, nghiên cứu cập nhật những nội dung này qua đó đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục về quan hệ chính trị hợp tác quốc phòng an ninh Việt Nam - Nhật Bản cho SV Đại học Huế trong tình hình mới hiện nay là hết sức cần thiết.

Từ khóa: giáo dục, hợp tác, chính trị, quốc phòng an ninh, sinh viên, toàn cầu hóa.

Abstract: Education on political relations, defense and security cooperation between Vietnam and Japan for students is one of the important contents in the chain of activities to establish the Vietnam-Japan cooperative relationship in the current period. However, this new activity has not received much attention. In recent years, the education of Vietnam-Japan relations has been implemented by Hue University in a number of member universities with different forms, levels and results, but only focusing on lecturers, administrative staff and scientists. In the context of many complicated changes in the world as well as within the country, the education on political relations, defense and security cooperation between the two above-mentioned countries for students in the new situation needs more attention. Therefore, these contents have been updated in this study, thereby the solutions to improve the quality of education on political relations, defense and security cooperation between Vietnam and Japan for students at Hue University in the current new situation have been proposed.

Keywords: education, cooperation, politics, national defense and security, students, globalization.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh cục diện thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, ảnh hưởng sâu sắc đến an ninh, hợp tác, phát triển của mỗi quốc gia cũng như vận mệnh của toàn nhân loại, trước những biến động lớn của thế giới, Việt Nam không chọn phe, chọn bên mà chọn chính nghĩa, hòa bình, đối thoại và luật pháp quốc tế, Việt Nam tôn trọng sự lựa chọn của các quốc gia. Đây chính là tinh thần trong triết lý của đối ngoại Việt Nam, đa dạng, linh hoạt nhưng có nguyên tắc, đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên trên hết, mọi lựa chọn đều ưu tiên cho lợi ích quốc gia, vì hòa bình và phát triển của đất nước, vì vậy Đảng ta xác định phương châm đối ngoại “Việt Nam sẵn sàng là bạn là đối tác tin cậy là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”, hiện nay Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 192 quốc gia trong đó thiết lập mối quan hệ ngoại giao đối tác chiến lược với 17 quốc gia, trong đó với sự tương đồng về văn hóa, về lịch sử, về truyền thống của Việt Nam - Nhật Bản sau gần nửa thế kỷ, mối quan hệ hữu nghị giữa hai quốc gia không ngừng được các thế hệ lãnh đạo và nhân dân hai nước vun đắp nâng cấp lên đối tác chiến lược toàn diện vì hòa bình và thịnh vượng châu Á, trở thành tài

sản chung quý báu của hai quốc gia.

Trước bối cảnh đó cùng với âm mưu chống phá của các thế lực thù địch ngày càng tinh vi dẫn đến vấn đề an ninh khu vực thế giới nóng lên diễn biến phức tạp cần *giáo dục về quan hệ chính trị và hợp tác quốc phòng an ninh Việt Nam – Nhật Bản cho SV* nhằm nâng cao nhận thức về vai trò quan trọng của mối quan hệ Việt Nam - Nhật Bản góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Bối cảnh trong nước và quốc tế hiện nay

2.1. Dự báo tình hình thế giới trong thời gian tới

Theo Báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới (IMF, 2024), nền kinh tế toàn cầu năm 2025 dự kiến tăng trưởng khoảng 2,9%, thấp hơn mức trung bình của giai đoạn trước đại dịch, do ảnh hưởng kéo dài của xung đột địa chính trị, lạm phát cao và sự gián đoạn chuỗi cung ứng [IMF, World Economic Outlook, 2024].

Thứ nhất, xung đột Nga – Ucraina và tình hình Trung Đông tiếp tục gây bất ổn khu vực, kéo theo các hệ lụy về an ninh năng lượng, giá dầu và lương thực toàn cầu [UN Security Council Report, 2024]. Các bên liên quan vẫn chưa đạt được nền tảng cho đàm phán hòa bình bền vững, trong khi cạnh tranh vũ trang

có xu hướng gia tăng.

Thứ hai, cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc tiếp tục là nhân tố chi phối cục diện toàn cầu. Các vấn đề về công nghệ cao, thương mại và an ninh chuỗi cung ứng trở thành tâm điểm trong chính sách của cả hai nước. Sự hình thành các liên minh như AUKUS (Mỹ, Anh, Úc) và Quad (Mỹ, Nhật, Ấn Độ, Úc) cho thấy khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương sẽ tiếp tục là trung tâm của cạnh tranh địa chính trị [CSIS Asia Report, 2025].

Thứ ba, các thách thức an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và an ninh mạng tiếp tục đe dọa an toàn và phát triển bền vững của nhân loại. Báo cáo của Liên Hợp Quốc (UNEP, 2024) cho thấy nhiệt độ trung bình toàn cầu đã tăng 1,3°C so với thời kỳ tiền công nghiệp, khiến rủi ro thiên tai và khủng hoảng nguồn nước gia tăng nghiêm trọng.

Tổng thể, tình hình thế giới trong giai đoạn tới sẽ tiếp tục đa cực, phức tạp và khó lường. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song xung đột, cạnh tranh và chia rẽ vẫn song hành. Điều này đặt ra yêu cầu cho Việt Nam cần chủ động thích ứng, phát huy vai trò đối ngoại độc lập, tự chủ, đồng thời tăng cường quan hệ với các đối tác chiến lược, trong đó có Nhật Bản — một trong những trụ cột quan trọng của chính sách đối ngoại khu vực châu Á – Thái Bình Dương [Bộ Ngoại giao Việt Nam, Báo cáo Đối ngoại 2024].

2.2. Tác động của bối cảnh quốc tế đến Việt Nam và đối sách

2.2.1. Những thuận lợi

Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, tạo điều kiện để Việt Nam tiếp tục giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Cục diện cạnh tranh và thỏa hiệp giữa các nước lớn cho phép Việt Nam có điều kiện lựa chọn những kẻ sách phù hợp, thực hiện “đi bất biến ứng vạn biến” để không bị chi phối trong quan hệ quốc tế, giảm sức ép của các nước lớn; thúc đẩy quan hệ với nhiều đối tác, nhất là các nước lớn, trên các vấn đề lợi ích chiến lược.

Với sự ổn định về chính trị, thế và lực của Việt Nam ngày càng gia tăng trên trường quốc tế, do vậy, cộng đồng quốc tế đánh giá cao vai trò của Việt Nam trong hợp tác cũng như tham gia xử lý các vấn đề mang tính toàn cầu. Việt Nam là thành viên đóng vai trò ngày càng quan trọng trong ASEAN và nhiều tổ chức khu vực khác.

Là nước có sự phát triển nhanh về công nghệ thông tin nên Việt Nam có những điều kiện thuận lợi để tiếp cận công nghệ, tranh thủ thị trường, tham gia mạng lưới sản xuất và chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu, cũng như ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ mới, tạo sức đột phá mới trong phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường tiềm lực, sức mạnh quốc

phòng - an ninh, góp phần tích cực trong việc bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong tình hình mới.

2.2.2. Những khó khăn, thách thức

Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại khu vực đầy nhanh và mạnh mẽ hơn quá trình tập hợp lực lượng, tìm cách lôi kéo các đối tác, tạo nên áp lực không nhỏ đối với các nước trong việc “chọn bên”.

Việt Nam có vị trí địa lý đặc thù, chịu tác động lớn từ các thách thức an ninh phi truyền thống, ảnh hưởng lớn đến nguồn lực. Xu hướng già hóa dân số nhanh, tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa tăng mạnh, an ninh mạng, biến đổi khí hậu gay gắt, phức tạp... tác động ngày càng nghiêm trọng đến sự phát triển của đất nước.

Hội nhập quốc tế sâu, rộng hơn, bên cạnh những cơ hội, Việt Nam sẽ phải thực hiện đầy đủ, hiệu quả các cam kết khi tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới trong khi năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và của các doanh nghiệp chưa cao.

Thách thức đặt ra đối với việc giữ gìn ổn định vĩ mô để bảo đảm độc lập, tự chủ trong hội nhập là: Việt Nam phải nhanh chóng nâng cấp cơ sở hạ tầng và lực lượng lao động để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao, đồng thời giải quyết một số hậu quả không mong muốn. Chẳng hạn như Việt Nam ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào đầu tư nước ngoài, xuất khẩu và thặng dư thương mại với Mỹ do mở rộng cơ sở sản xuất và năng lực xuất khẩu. Việc chuyển đổi cơ cấu vẫn chưa hoàn chỉnh, với một sân chơi vẫn chưa đồng đều giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân...

2.2.3. Đối sách của Việt Nam

Trước các xu hướng trên, Việt Nam vận dụng hiệu quả đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi.

Bối cảnh quốc tế hiện nay đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục phương châm đối ngoại để bảo đảm độc lập, tự chủ, tránh dựa dẫm, lệ thuộc vào bất kỳ đối tác, thị trường cụ thể nào, trên bất cứ lĩnh vực nào mà cần đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, đối tác, thị trường, nhất là không gấn mình, lệ thuộc vào các đối tác lớn, có vai trò và ý nghĩa chiến lược. Muốn giữ được độc lập, tự chủ thì trong chiến lược, chính sách phát triển đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nói chung và trong chính sách đối ngoại nói riêng cần nắm vững quan điểm kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, trong đó dựa vào sức mình, dựa vào nội lực đất nước là chính, khơi dậy và phát huy cao độ nội lực, tranh thủ tối đa các nguồn ngoại lực.

Cùng với triết lý đối ngoại Việt Nam, đa dạng, linh hoạt nhưng có nguyên tắc, đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên trên hết, mọi lựa chọn đều ưu tiên cho lợi ích quốc

gia, vì hòa bình và phát triển của đất nước. Mỗi quan hệ Việt Nam – Nhật bản phát triển lên tầm cao đối tác chiến lược toàn diện vì hòa bình và thịnh vượng châu Á, một trong những vấn đề quan trọng của mỗi quan hệ này là *quan hệ chính trị và hợp tác quốc phòng an ninh Việt Nam – Nhật Bản*. Cần giáo dục cho SV để tuyên truyền phổ biến về nội dung hợp tác qua đó nâng cao ý thức trách nhiệm trước những thách thức cơ hội hiện nay.

2.3. Khái quát hợp tác quốc phòng an ninh Việt Nam - Nhật Bản

Ngày 21/9/1973 Việt Nam - Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao. Sự tương đồng về văn hóa, về lịch sử, về truyền thống là những yếu tố quan trọng cấu thành chất keo gắn kết hai đất nước, hai dân tộc. Sau gần nửa thế kỷ, mỗi quan hệ hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản không ngừng được các thế hệ lãnh đạo và nhân dân hai nước vun đắp, trở thành tài sản chung quý báu của cả hai quốc gia.

Năm 2002, Việt Nam - Nhật Bản thiết lập quan hệ “Đối tác tin cậy, ổn định lâu dài”,

Năm 2004 quan hệ hai nước được nâng cấp lên “Đối tác bền vững”.

Năm 2009, Việt Nam - Nhật Bản đã thiết lập “Quan hệ đối tác chiến lược vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á”. Nhật Bản cũng là nước G-7 đầu tiên thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược với Việt Nam và công nhận quy chế kinh tế thị trường của Việt Nam.

Từ năm 2014 đến nay, Việt Nam - Nhật Bản ra “*Tuyên bố chung về việc thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược sâu rộng vì hòa bình và phồn vinh ở Châu Á*”.

Có thể khẳng định mối quan hệ hữu nghị thân thiện Việt Nam – Nhật Bản hiện nay là sự nỗ lực và thiện chí của hai chính phủ trong suốt 50 năm qua. Bên cạnh đó, không thể không kể đến một yếu tố quan trọng đóng góp cho sự phát triển bền vững của mối quan hệ này, đó chính là quan hệ chính trị và hợp tác quốc phòng an ninh Việt Nam - Nhật Bản - sự kết nối tự nhiên giữa hai quốc gia cùng ở khu vực châu Á – Thái Bình dương.

3. Nội dung giáo dục về quan hệ chính trị và hợp tác quốc phòng an ninh Việt Nam - Nhật Bản cho SV Đại học Huế

3.1. Về chính trị

Quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản trong những năm qua liên tục được củng cố và tăng cường, ngày càng đi vào thực chất, trên cơ sở lợi ích chiến lược tương đồng. Quan hệ hai nước đang ở giai đoạn tốt nhất trong lịch sử kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao và có sự tin cậy cao. Lãnh đạo cấp cao hai nước duy trì thường xuyên các chuyến thăm và tiếp xúc tại các diễn đàn quốc tế cũng như khu vực. Hiện hai nước duy trì một số cơ chế đối thoại hiệu quả như: Ủy ban Hợp tác Việt - Nhật do hai Bộ trưởng Ngoại giao

làm đồng Chủ tịch (từ năm 2007); Đối thoại Đối tác chiến lược Việt Nam - Nhật Bản về ngoại giao - an ninh - quốc phòng (cấp Thứ trưởng ngoại giao, từ năm 2010); Đối thoại chính sách quốc phòng Việt - Nhật cấp thứ trưởng (từ tháng 11/2012); Đối thoại An ninh cấp Thứ trưởng (từ tháng 11/2013).

Hợp tác mọi mặt giữa Việt Nam với Nhật Bản càng được củng cố mạnh mẽ hơn khi hai nước xây dựng được một mối quan hệ tin cậy về chính trị thông qua các cuộc đối thoại liên chính phủ và hàng loạt các cuộc tiếp xúc, chuyến thăm cấp cao giữa hai nước. Bộ Ngoại giao Nhật Bản đã khẳng định mối quan hệ Việt Nam và Nhật Bản là đối tác chiến lược toàn diện vì hòa bình và thịnh vượng châu Á.

Trong xu thế này, chuyến thăm cấp Nhà nước tới Việt Nam của Nhà Vua và Hoàng Hậu Nhật Bản, bắt đầu từ ngày 28/2, là một sự kiện quan trọng được hai nước chào đón. Với tư cách là biểu tượng cao quý của đất nước, là lãnh đạo tinh thần của dân tộc Nhật Bản, chuyến thăm của Nhà Vua và Hoàng Hậu Nhật Bản đến Việt Nam lần này được coi là mang ý nghĩa biểu tượng, cũng là một dấu mốc lịch sử trong quan hệ hợp tác hữu nghị giữa hai nước.

3.2. Về tăng cường quan hệ chính trị và hợp tác quốc phòng an ninh

Một là, hai bên nhất trí tiếp tục duy trì các chuyến thăm, tiếp xúc và đối thoại cấp cao, giao lưu giữa các chính đảng và quốc hội hai nước dưới nhiều hình thức, bao gồm trong khuôn khổ các cơ chế đa phương. Hai bên khẳng định tiếp tục nỗ lực nâng cao hiệu quả các cơ chế đối thoại và tham vấn hiện có trên nhiều lĩnh vực.

Hai là, hai bên nhất trí tăng cường hợp tác nhằm giải quyết các thách thức an ninh phi truyền thống như an ninh mạng, tội phạm mạng, khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, an ninh lương thực, và an ninh tài nguyên. Hai bên chia sẻ nhận thức về tầm quan trọng của chuỗi cung ứng bền vững, đa dạng, an toàn và minh bạch.

Ba là, là các quốc gia ven biển, hai bên ghi nhận tầm quan trọng của việc duy trì tự do và rộng mở trên biển, tôn trọng luật pháp quốc tế, bao gồm Công ước Liên hợp quốc về Luật biển (UNCLOS) và Hiến chương Liên hợp quốc. Hai bên khẳng định tiếp tục tăng cường hợp tác trong lĩnh vực an ninh hàng hải, trong đó có việc xây dựng năng lực cho các cơ quan liên quan của Việt Nam, phát triển kinh tế biển, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên biển.

Bốn là, tiến triển của những nỗ lực hợp tác giữa các cơ quan quốc phòng hai nước, trong khuôn khổ ý tưởng hợp tác quốc phòng song phương Việt Nam - Nhật Bản ở giai đoạn mới vì hòa bình và ổn định tại khu vực và trên thế giới, bao gồm: việc cử chuyên gia (chủ yếu từ Lực lượng Phòng vệ Trên bộ Nhật Bản) tới hỗ trợ Việt Nam trong công tác chuẩn bị tham gia

các hoạt động gìn giữ hòa bình.

Năm là, hai bên hoan nghênh những nỗ lực của cơ quan quốc phòng hai nước nhằm đẩy mạnh tham vấn về việc chuyển giao các trang thiết bị cụ thể, bao gồm tàu hải quân và các trang thiết bị liên quan theo Thỏa thuận hợp tác Chuyển giao thiết bị và công nghệ quốc phòng giữa hai nước; hoan nghênh việc các cơ quan quốc phòng hai nước thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực an ninh mạng và quân y.

3.3. Đề xuất một số giải pháp Giáo dục quan hệ chính trị và hợp tác quốc phòng an ninh Việt Nam - Nhật Bản cho SV Đại học Huế

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về vị trí, tầm quan trọng của công tác giáo dục quan hệ chính trị và hợp tác quốc phòng an ninh Việt Nam - Nhật Bản

Giáo dục quan hệ chính trị và hợp tác quốc phòng an ninh Việt Nam - Nhật Bản cho SV là nội dung khá mới mẻ nhưng có vị trí, tầm quan trọng đặc biệt. Bên cạnh đó chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh là nội dung học tập chính khóa đặc thù trong các trường học, trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các thế hệ SV với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Vị trí, tầm quan trọng của công tác giáo dục quan hệ chính trị và hợp tác quốc phòng an ninh Việt Nam - Nhật Bản trong các cơ sở giáo dục, đào tạo cần được lồng ghép trong giảng dạy và các hoạt động ngoại khóa góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, đào tạo các thế hệ SV Đại học Huế có nhận thức cao về tình hình thế giới khu vực có ảnh hưởng đến các vấn đề chính trị an ninh quốc phòng của Việt Nam, qua đó giúp các em có tư duy nhanh nhạy trước những thách thức cơ hội toàn cầu đồng thời vận dụng nâng cao trách nhiệm bản thân trước nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực, trách nhiệm của đội ngũ giảng viên trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, biên soạn, tổ chức các hội thảo chuyên đề về chiến lược đối ngoại của Việt Nam

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, đội ngũ giảng viên cần nâng cao năng lực ngoại ngữ, trình độ công nghệ thông tin nhằm tiếp cận và ứng dụng các phương pháp dạy hiện đại vào quá trình dạy học. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên giảng dạy các học phần giáo dục quốc phòng và an ninh cần chú trọng tính đồng bộ, toàn diện, vừa đảm bảo trình độ chuyên môn, năng lực giảng dạy, vừa đảm bảo tính chính trị, tính quân sự, tính Đảng.

Nội dung giáo dục quan hệ chính trị và hợp tác quốc phòng an ninh Việt Nam – Nhật Bản cần được cập nhật phù hợp với thực tiễn của đất nước, thể hiện đầy đủ, đa dạng lồng ghép trong hệ thống bài giảng, sách tham khảo, kỹ yếu hội thảo chuyên đề... cũng

như các hoạt động ngoại khóa đối với các Khoa môn chuyên ngành.

Thứ ba, đổi mới hình thức, phương pháp dạy và học của giảng viên, SV; đổi mới hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập các học phần liên quan nội dung giáo dục quan hệ chính trị và hợp tác quốc phòng an ninh Việt Nam - Nhật Bản

Đổi mới đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học phù hợp với đặc điểm đối tượng người học, cơ sở giáo dục nhằm tăng tính hấp dẫn, sinh động đối với SV. Đặc biệt, cần chú trọng hình thức dạy học kết hợp video, phim tư liệu cũng như các hoạt động trải nghiệm thực tế..

Đổi mới hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá kết quả học tập các học phần gắn với nội dung giáo dục quan hệ chính trị và hợp tác quốc phòng an ninh Việt Nam - Nhật Bản cho SV như: Thi viết tìm hiểu về quan hệ Việt Nhật nhân dịp các lễ kỷ niệm lớn làm cơ sở tính điểm kiểm tra đánh giá thường xuyên.

Thứ tư, tăng cường giáo dục, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, cập nhật bồi dưỡng nhận thức quan hệ chính trị và hợp tác quốc phòng an ninh Việt Nam - Nhật Bản cho SV

Tăng cường giáo dục, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, cập nhật bồi dưỡng nhận thức quan hệ chính trị và hợp tác quốc phòng an ninh Việt Nam - Nhật Bản cho SV như lồng ghép phổ cập những dẫn chứng tư liệu về quan hệ chính trị hợp tác quốc phòng an ninh Việt Nam – Nhật Bản trong những bài giảng chuyên đề hoặc thông qua thực hiện các hoạt động thực tiễn như: Thông báo thời sự nhân kỷ niệm mỗi quan hệ Việt – Nhật, hỗ trợ tư liệu học tập khuyến khích giảng viên, SV tham gia các ngày kỷ niệm “ Văn hóa Việt Nhật”, tổ chức sưu tầm viết bài tìm hiểu về quan hệ Việt - Nhật....

Thứ năm, tăng cường cơ sở vật chất, tài liệu, đồ dùng trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác giáo dục quan hệ chính trị và hợp tác quốc phòng an ninh Việt Nam – Nhật Bản cho SV trong bối cảnh toàn cầu hóa

Cập nhật hệ thống tài liệu, công cụ tuyên truyền như: tài liệu giấy, tài liệu hình, tranh ảnh, vi deo, các bài báo được đăng trong các kỷ yếu hội thảo chuyên đề... Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học các môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh cần đảm bảo yêu cầu ứng dụng công nghệ.

Tăng cường sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng trong công tác tuyên truyền. Thực hiện tổ chức các hội thảo, hội nghị, diễn đàn khoa học trong nước và quốc tế để SV có cơ hội tham gia trao đổi, nắm bắt thông tin, nâng cao nhận thức, hiểu biết quan hệ Việt Nam – Nhật Bản. Tổ chức cho SV tham gia các cuộc triển lãm văn hóa Nhật Bản cũng như tham gia công tác đảm bảo an ninh đón đoàn đại biểu mỗi dịp kỷ niệm ngày hội Việt – Nhật...

(Xem tiếp trang 395)

và sáng kiến quốc gia về phát triển bền vững và tăng trưởng xanh. Tuy nhiên, quá trình hiện thực hóa còn gặp nhiều hạn chế, đặc biệt là sự thiếu đồng bộ trong phối hợp liên ngành, nguồn lực đầu tư còn hạn chế và đội ngũ giáo viên chưa thực sự sẵn sàng về năng lực chuyên môn cũng như phương pháp sư phạm xanh. Những hạn chế này cho thấy cần tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh và hoàn thiện khung chính sách, đồng thời tăng cường nguồn lực tài chính, nhân lực và công cụ hỗ trợ để bảo đảm tính khả thi và hiệu quả của các chương trình giáo dục xanh.

Ở cấp độ nhà trường, việc xây dựng cơ sở vật chất xanh, chương trình giảng dạy xanh, xanh hóa năng lực giáo viên và gắn kết cộng đồng cần được triển khai một cách đồng bộ, có lộ trình và cơ chế giám sát, đánh giá rõ ràng. Cơ sở vật chất xanh không chỉ góp phần cải thiện môi trường học tập, nâng cao sức khỏe và hiệu quả học tập của học sinh mà còn đóng vai trò như một công cụ trực quan để giáo dục học sinh về lối sống bền vững. Chương trình giảng dạy xanh cần được thiết kế theo hướng liên thông giữa các cấp học, gắn kết chặt chẽ giữa tri thức, kỹ năng và thái độ, tạo cơ hội cho học sinh được trải nghiệm, khám phá và hành động thực tiễn. Xanh hóa năng lực đào tạo giáo viên là khâu then chốt, bởi đội ngũ này chính là lực lượng dẫn dắt, định hướng và truyền cảm hứng cho học sinh trong quá trình hình thành năng lực xanh. Sự tham gia của cộng đồng là điều kiện quan trọng để lan tỏa giá trị giáo dục xanh ra ngoài phạm vi học đường, xây dựng xã hội học tập xanh, bền vững.

Nhìn tổng thể, giáo dục xanh cho nhà trường phổ thông tại Việt Nam không chỉ là yêu cầu tất yếu để đáp ứng các cam kết quốc tế về phát triển bền vững mà còn là chiến lược nền tảng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, hình thành thể hệ công dân toàn cầu có trách nhiệm, sáng tạo và bản lĩnh trước những thách thức môi trường – xã hội. Trong bối cảnh Việt Nam đang nỗ lực thực hiện mục tiêu Net Zero vào năm 2050 và chiến lược tăng trưởng xanh, việc triển khai thành công giáo dục xanh trong các nhà trường phổ thông sẽ đóng vai trò tiên phong, góp phần trực tiếp vào cuộc chuyển đổi xanh của quốc gia. Do đó, giáo dục xanh không chỉ là nhiệm vụ trước mắt, mà còn là định hướng chiến lược, lâu dài, gắn liền với sự phát triển bền vững của đất nước trong giai đoạn mới.

Tài liệu tham khảo

1. Afrikanov, L. (2023). *Green Education for Primary Teachers in Bulgaria, Romania and Serbia. Theoretical and Practical Model*. Online Submission.
2. Gordon, D. E. (2010). *Green Schools as High Performance Learning Facilities*. National Clearinghouse for Educational Facilities. <http://www.ncef.org/pubs/greenschools.pdf>
3. Kats, G. (2006). *Greening America's Schools: Costs and Benefits*. Capital E Report. <http://www.usgbc.org>
4. Kats, G., Perlman, J., & Jamadagni, S. (2005). *National Review of Green Schools: Costs, Benefits, and Implications for Massachusetts*. Capital E Report. <http://www.usgbc.org>

GIÁO DỤC VỀ QUAN HỆ CHÍNH TRỊ VÀ HỢP TÁC QUỐC PHÒNG AN NINH... (tiếp theo trang 265)

4. Kết luận

Trước bối cảnh thế giới có nhiều biến chuyển phức tạp, hòa bình hợp tác, mâu thuẫn xung đột đan xen. Việt Nam trong quá trình đổi mới, phát triển hội nhập ngày càng sâu rộng vào kinh tế - chính trị thế giới vừa có thuận lợi nhưng cũng đầy thách thức, khó khăn. Trong bối cảnh đó, quan hệ chính trị hợp tác quốc phòng an ninh Việt Nam – Nhật Bản là cần thiết.

Thời gian qua Đại học Huế đã rất quan tâm đến công tác này thông qua tổ chức các hội thảo các hoạt động chuyên đề song mới chỉ tập trung phổ biến trao đổi giữa giảng viên, cán bộ quản lý và các nhà khoa học mà chưa thực sự quan tâm giáo dục tuyên truyền hoạt động ý nghĩa này cho SV _ thế hệ tri thức trẻ kế cận của đất nước. Vì vậy, giáo dục, quán triệt, triển khai tuyên truyền thực hiện đồng bộ các nội dung, giải pháp được đề cập trong bài viết này một cách chủ động, kiên quyết, nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục nói chung và góp phần giáo dục tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới cho SV./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư Ban hành chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học*, số 05/2020/TT-BGDĐT, ngày 18 tháng 03 năm 2020, Hà Nội.
- [2]. Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở” do Bộ Quốc phòng Mỹ công bố tháng 6-2019 đã 23 lần đề cập đến Việt Nam, thậm chí xếp Việt Nam trước cả các đối tác quan trọng khác của Mỹ trong ASEAN là Xinhgapo và Ấn Độ.
- [3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [4]. Giáo trình giáo dục QP - AN, tập 1, Tái bản lần thứ 6, NXB Giáo dục Việt Nam 2014, tr. 27; tr.97
- [5]. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 161 - 162.
- [6]. <https://vtc.vn/tuyen-bo-chung-viet-nam-nhat-ban-ar648326.html>